

Lương cơ sở : 2.340.000 đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Mã ngạch	Hệ số						Tổng tiền lương và phụ cấp	Ước NS-N		Bảo hiểm XH,YT, TN 10,5%	Tiền lương	Tiền các khoản phụ cấp					Tổng cộng		
				Lương	PC C vụ	PC KV	PC TN	PC VK	Ti lệ % pcn nghề		PC TN Nghề	Số tiền			Số tiền	PC CV	PC TN	PC TN	PC VK		PC TN Nghề	Phụ cấp ưu đãi 35%
1	Ngô Hoài Thương	HT	V.07.02.25	4.32	0,50				21%	1,012	13.647.348			1.432.972	9.047.376	1.047.150	0	0	2.119.850	3.947.580	16.161.956	
2	Nguyễn Thị Bé	GV	V.07.02.06	4,06				0,4872	30%	1,364	13.832.582			1.452.421	8.502.858	0	0	1.020.343	2.856.960	3.724.157	16.104.318	
3	Lữ Thị Hải	GV	V.07.02.06	4,06				0,4060	30%	1,340	13.585.572			1.426.485	8.502.858	0	0	850.286	2.805.943	3.657.654	15.816.741	
4	Đỗ Thị Hương	GV	V.07.02.06	4,06				0,2436	30%	1,291	13.091.551			1.374.613	8.502.858	0	0	510.171	2.703.909	3.524.648	15.241.587	
5	Trần Thị Hồng Nghĩa	GV	V.07.02.25	3,99					20%	0,798	11.203.920			1.176.412	8.356.257	0	0	0	1.671.251	3.267.810	13.295.318	
6	Phạm Thị Hòa	GV	V.07.02.25	3,99					15%	0,599	10.737.090			1.127.394	8.356.257	0	0	0	1.253.439	3.267.810	12.877.506	
7	Trần Thị Minh Hiệp	PHH	V.07.02.26	3,65	0,35				17%	0,680	10.951.200			1.149.876	7.644.195	733.005	0	0	1.424.124	3.276.000	13.077.324	
8	Phạm Thị Mỹ Diệp	GV	V.07.02.26	3,65					18%	0,657	10.078.380			1.058.230	7.644.195	0	0	0	1.375.955	2.989.350	12.009.500	
9	Huỳnh Thị Việt Thu	GV	V.07.02.26	3,34					13%	0,434	8.831.628			927.321	6.994.962	0	0	0	909.345	2.735.460	10.639.767	
10	Võ Thị Thanh Hương	GV	V.07.02.25	3,66	0,2				12%	0,463	10.116.288			1.062.210	7.665.138	418.860	0	0	970.080	3.161.340	12.215.418	
11	Bùi Thị Hà Thu	GV	V.07.02.26	3,34					13%	0,434	8.831.628			927.321	6.994.962	0	0	0	909.345	2.735.460	10.639.767	
12	Nguyễn Thị Mỹ My	GV	V.07.02.26	2,72	0,2				9%	0,263	7.447.752			782.014	5.696.496	418.860	0	0	550.382	2.391.480	9.057.218	
13	Võ Thị Thanh Kiều	GV	V.07.02.26	2,72					8%	0,218	6.873.984			721.768	5.696.496	0	0	0	455.720	2.227.680	8.379.896	
14	Nguyễn Thị Xuân Mơ	GV	V.07.02.26	2,72					7%	0,190	6.810.336			715.085	5.696.496	0	0	0	398.755	2.227.680	8.322.931	
15	Nguyễn Thị Giang Đông	GV	V.07.02.26	2,41					6%	0,145	5.977.764			627.665	5.047.263	0	0	0	302.836	1.973.790	7.323.889	
16	Nguyễn Thị Thủy Dương	GV	V.07.02.26	3,03					10%	0,303	7.799.220			818.918	6.345.729	0	0	0	634.573	2.481.570	9.461.872	
17	Nguyễn Thị Thủy Vy	GV	V.07.02.26	2,41					7%	0,169	6.034.158			633.587	5.047.263	0	0	0	353.308	1.973.790	7.374.361	
18	Lê Thị Thanh Thủy	GV	V.07.02.26	2,72					7%	0,190	6.810.336			715.085	5.696.496	0	0	0	398.755	2.227.680	8.322.931	
19	Lê Vũ Nhật Lan	GV	V.07.02.26	2,72					7%	0,190	6.810.336			715.085	5.696.496	0	0	0	398.755	2.227.680	8.322.931	
20	Nguyễn Thị Hồng Nga	GV	V.07.02.26	2,41	0,15				5%	0,128	6.289.920			660.442	5.047.263	314.145	0	0	268.070	2.096.640	7.726.118	
21	Hồ Thị Mỹ Chi	GV	V.07.02.26	2,41					5%	0,121	5.921.370			621.744	5.047.263	0			252.363	1.973.790	7.273.416	
22	Dương Thị Kim Vui	GV	V.07.02.26	2,1							4.914.000			515.970	4.398.030				0	1.719.900	6.117.930	
23	Trần Thị Thanh Hoa	NV	06.032	3			0,1				7.254.000			737.100	6.282.900	0		234.000	0		6.516.900	
Tổng Cộng				73.490	1.400		0,1	1.1368		10.989	203.850.364			21.379.718	153.910.107	2.932.020	0	234.000	2.380.800	23.013.718	59.808.949	242.279.595

Số tiền bằng chữ : Hai trăm bốn mươi hai triệu hai trăm bảy mươi chín ngàn năm trăm chín mươi lăm đồng

Người lập bảng

Thm

Trần Thị Thanh Hoa

PHỔ PHONG
MẦM NON
TRƯỜNG
HƯỚNG ĐI
03 tháng 09 năm 2025

Mẫu số 09
Mã hiệu:
Số:

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG
(Kèm theo Giấy rút dự toán số 71 ngày 03 tháng 09 năm 2025)

Tài khoản dự toán ☒

Tài khoản tiền gửi: ☐

- 1. Đơn vị sử dụng ngân sách: Trường Mầm non Phố Phong
 - 2. Mã đơn vị: 1116815
 - 3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Quảng Ngãi: 0271000950303
1. Nội dung đề nghị thanh toán: Chuyển lương và phụ cấp theo lương tháng 09/2025

(Đơn vị: Đồng)

Tài khoản ngân hàng			Trong đó:									
Họ và tên	Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng	Tổng số	Lương và phụ cấp theo lương (lương CDN tháng 09/2025)	Tiền công lao động theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền công tác phí và khoán công tác phí	Tiền học bổng	Ghi chú	
-2	-3		-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11	-12	
Tổng số			242.279.595	242.279.595			-	-	-			
1. Đối với công chức, viên chức			242.279.595	242.279.595			-	-	-			
1	NGÔ HOÀI THUỜNG	0271000500862	Vietcombank- PGD Đức Phổ	16.161.956	16.161.956							
2	NGUYỄN THỊ BÉ	0271000948901	Vietcombank- PGD Đức Phổ	16.104.318	16.104.318							
3	LƯU THỊ HẢI	0271000948895	Vietcombank- PGD Đức Phổ	15.816.741	15.816.741							
4	ĐỖ THỊ HƯƠNG	0271000948903	Vietcombank- PGD Đức Phổ	15.241.587	15.241.587							
5	TRẦN THỊ HỒNG NGHĨA	0271000948897	Vietcombank- PGD Đức Phổ	13.295.318	13.295.318							
6	PHẠM THỊ HÒA	0271000979502	Vietcombank- PGD Đức Phổ	12.877.506	12.877.506							
7	TRẦN THỊ MINH HIỆP	0271000948900	Vietcombank- PGD Đức Phổ	13.077.324	13.077.324							
8	PHẠM THỊ MỸ DIỆP	1035142613	Vietcombank- PGD Đức Phổ	12.009.500	12.009.500							
9	HUỶNH THỊ VIỆT THU	0271000948899	Vietcombank- PGD Đức Phổ	10.639.767	10.639.767							
10	VÕ THỊ THANH HƯƠNG	0271000962337	Vietcombank- PGD Đức Phổ	12.215.418	12.215.418							
11	BÙI THỊ HÀ THU	0271000391806	Vietcombank- PGD Đức Phổ	10.639.767	10.639.767							
12	NGUYỄN THỊ MỸ MỸ	0271001035240	Vietcombank- PGD Đức Phổ	9.057.218	9.057.218							
13	VÕ THỊ THANH KIỀU	0271001010776	Vietcombank- PGD Đức Phổ	8.379.896	8.379.896							

Đơn vị: Trường Mầm non Phố Phong
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ giao nhận trực tuyến

Ngày ký: 03/09/2025 09:54:24
Chức danh: Chủ tài khoản
Đơn vị: Trường Mầm non Phố Phong
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ giao nhận trực tuyến

